

TỈNH ỦY HÀ TĨNH
BAN CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG
NÔNG THÔN MỚI, ĐÔ THỊ VĂN
MINH, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG
VÀ MỖI XÃ MỘT SẢN PHẨM

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Tĩnh, ngày 19 tháng 5 năm 2020

*

Số 13 /BCĐ-VPĐP
V/v Xây dựng Đề án tỉnh đạt chuẩn
nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

Kính gửi:

- Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và PTNT, Công Thương, Văn hoá Thể thao và Du lịch, Lao động - Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông, Tài nguyên và Môi trường, Nội vụ; Cục Thống kê tỉnh, Công an tỉnh.
- Chánh Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh.

Sau cuộc làm việc với Đoàn Công tác Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương ngày 7/5/2020 về việc xây dựng Đề án tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới. Đến nay, Ban Soạn thảo đã phối hợp với Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương xây dựng Dự thảo Bộ Tiêu chí tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới và Đề cương Đề án tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (theo file gửi kèm).

Để hoàn thiện Đề án, xin ý kiến thẩm định của các Bộ, ngành trước ngày 30/5/2020, Ban Chỉ đạo tỉnh yêu cầu Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ngành nêu trên thực hiện một số nội dung sau:

1. Các sở ngành theo tiêu chí phụ trách

- Trên cơ sở định hướng Bộ tiêu chí tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới, xác định các nội dung, khối lượng cần thực hiện để đảm bảo đạt yêu cầu các tiêu chí theo lĩnh vực ngành phụ trách trên cơ sở soát xét, đánh giá kỹ thực trạng (theo biểu gửi kèm); đề ra các chương trình, nội dung hoạt động rõ theo các chương trình, các dự án, các hoạt động khác phân theo từng thời kỳ, từng loại nguồn vốn để thực hiện đảm bảo tính khả thi.
- Lập bảng dự toán khái toán kinh phí theo từng nội dung, công việc. Xác định theo nguồn vốn: Ngân sách các cấp, vốn huy động khác; phân kỳ đầu tư, nêu rõ nguồn vốn đã xác định (có Văn bản bố trí và số kinh phí cụ thể) hay nguồn vốn đang dự kiến (gửi kèm biểu theo yêu cầu của Sở Kế hoạch và Đầu tư (vốn đầu tư phát triển) và Sở Tài chính (vốn sự nghiệp)).
- Xác định danh mục các Dự án ưu tiên xây dựng tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới.
- Kiến nghị, đề xuất với Chính phủ, bộ ngành Trung ương đối với những nội dung khác để đảm bảo hoàn thành tiêu chí (nếu xét thấy cần thiết).

Báo cáo gửi về Ban Chỉ đạo tỉnh (qua Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh) trong ngày 20/5/2020.

2. Sở Tài chính: Chủ trì, thẩm định nguồn vốn sự nghiệp xây dựng tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới, gửi về Ban Chỉ đạo tỉnh (qua Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh) trong ngày 22/5/2020

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, thẩm định nguồn vốn đầu tư phát triển xây dựng tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới, gửi về Ban Chỉ đạo tỉnh (qua Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh) trong ngày 22/5/2020.

4. Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh: Đơn đốc, tổng hợp báo cáo của các sở, ngành, tiếp tục hoàn thiện Đề án đảm bảo chất lượng.

Yêu cầu Giám đốc, Thủ trưởng các sở ngành thực hiện nghiêm túc các nội dung trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, VP Điều phối NTM tỉnh.

**K/T TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Đặng Ngọc Sơn
Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch
UBND tỉnh



ĐỊNH HƯỚNG TỈNH ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI CỦA TỈNH HÀ TĨNH

I. ĐỊNH HƯỚNG CHUNG TỈNH ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI

- Xây dựng nông thôn mới tỉnh Hà Tĩnh bền vững, dựa trên 3 nền tảng trọng tâm, đó là: phát triển cơ sở hạ tầng đồng bộ, kết nối và thích ứng với biến đổi khí hậu; phát huy hiệu quả các giá trị văn hóa người Hà Tĩnh; đổi mới và hoàn thiện thể chế, nâng cao chất lượng môi trường;

- Xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới toàn diện, nâng tầm, phát triển ít nhất đạt mức khá trong khu vực Bắc Trung Bộ, thu nhập của người dân nông thôn cao hơn bình quân chung cả nước và gấp ít nhất 1,25 lần so với bình quân chung của vùng Bắc Trung Bộ vào năm 2025;

- Kinh tế nông thôn phát triển dựa trên phát triển nông nghiệp tập trung, từng bước hiện đại hóa gắn với định hướng của 3 vùng kinh tế trọng tâm (miền núi; đồng bằng và ven biển) và công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phát triển đồng bộ, nhất là chế biến tinh sâu; đẩy mạnh phát triển thương mại, du lịch gắn với lợi thế về văn hóa, kết nối với du lịch biển và phát triển của các đô thị công nghiệp;

- Xây dựng và quản lý môi trường nông thôn dựa trên nền tảng cộng đồng (khu dân cư), người dân là chủ thể, xây dựng cảnh quan môi trường sáng, xanh, sạch, đẹp, hướng đến xây dựng “khu dân cư nông thôn mới thông minh” gắn với phát triển du lịch nông thôn mới; xử lý rác thải, nước thải sinh hoạt hiệu quả và bền vững;

- Bảo vệ, cải thiện môi trường kinh doanh, môi trường sinh hoạt cộng đồng đảm bảo phục vụ tốt cho nhân dân; đảm bảo giữ vững an ninh, trật tự trên cơ sở áp dụng công nghệ thông tin.

II. ĐỊNH HƯỚNG ĐIỀU KIỆN VÀ TIÊU CHÍ TỈNH HÀ TĨNH ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI

Để đạt chuẩn tỉnh nông thôn mới phải đáp ứng các điều kiện và đạt các tiêu chí

1. Điều kiện:

(1) 100% số huyện trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; đối với các huyện đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2010-2020, phải đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

(2) 100% số thị xã, thành phố trên địa bàn hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; đối với các thị xã, thành phố đã được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020, phải đáp ứng đầy đủ mức hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

(3) Ít nhất 20% số huyện trên địa bàn đạt nông thôn mới nâng cao theo Bộ tiêu chí quốc gia huyện NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025.

(4) Ít nhất 50% số xã đạt nông thôn mới nâng cao theo Bộ tiêu chí quốc gia xã NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025. Đối với các xã đã được công nhận đạt nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2016-2020, phải đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

(5) Ít nhất 10% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025;

2. Bộ tiêu chí tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
1	Quy hoạch	1.1. Quy hoạch tỉnh phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước giai đoạn 2021-2030 và được công bố công khai đúng quy định	Đạt
		1.2. Tổ chức và thực hiện quản lý phát triển hạ tầng, phát triển đô thị và kinh tế nông thôn (trọng tâm là nông nghiệp và du lịch nông thôn) theo đúng quy hoạch được phê duyệt	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng kết nối và thích ứng với biến đổi khí hậu	2.1. Tỷ lệ đường tỉnh đạt tối thiểu cấp IV, theo quy hoạch đạt chuẩn; có hệ thống rãnh thoát nước, điện chiếu sáng khi đi qua khu dân cư; được trồng cây bóng mát dọc bên đường	100%
		2.2. Đường tỉnh đảm bảo kết nối tới các đơn vị cấp huyện trong tỉnh và kết nối đô thị, vùng kinh tế với khu vực nông thôn	Đạt
		2.3. Đường tỉnh đảm bảo thuận tiện và kết nối giữa vùng sản xuất hàng hóa với chế biến, thị trường đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực	Đạt
		2.4. Hệ thống thủy lợi do tỉnh quản lý đồng bộ với hệ thống thủy lợi của các đơn vị cấp huyện theo quy hoạch, đảm bảo an toàn, mỹ quan và thích ứng với biến đổi khí hậu	Đạt
		2.5. Hệ thống hồ chứa và thoát lũ đảm bảo đủ điều kiện để phòng, chống thiên tai	Đạt
3	Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng hiện đại, hội nhập và bền vững	3.1. Tỷ trọng giá trị sản xuất các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh so với tổng giá trị sản xuất nông nghiệp	$\geq 60\%$
		3.2. Tỷ lệ diện tích sản phẩm chủ lực của tỉnh được tổ chức sản xuất tập trung, đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ, được cấp và được quản lý mã số vùng trồng chung trên toàn tỉnh bằng công nghệ hiện đại; các vùng chăn nuôi tập trung có liên kết theo chuỗi giá trị	$\geq 50\%$

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
		3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của tỉnh áp dụng biện pháp tưới tiết kiệm tiên tiến	$\geq 20\%$
		3.4. Tỷ lệ diện tích sản xuất các sản phẩm chủ lực của tỉnh áp dụng các quy trình kỹ thuật tiên tiến, thích ứng với biến đổi khí hậu (Vietgap, hữu cơ, chăn nuôi an toàn sinh học, nuôi trồng thủy sản bền vững...)	$\geq 50\%$
		3.5. Ít nhất 50% HTX hoạt động hiệu quả được xếp loại khá trở lên, có ứng dụng công nghệ tiên tiến trong quản lý	Đạt
		3.6. Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông lâm thủy sản được sản xuất theo mô hình liên kết	$\geq 35\%$
		3.7. Tỷ lệ sản lượng sản phẩm chủ lực cấp tỉnh được sơ chế, chế biến, đóng gói trên địa bàn tỉnh	$\geq 30\%$
		3.8. Có ít nhất 3 sản phẩm chủ lực có nhà máy/doanh nghiệp tổ chức chế biến sâu sản phẩm với tỷ lệ ít nhất 50% sản lượng được chế biến	Đạt
		3.9. Có ít nhất 300 sản phẩm, dịch vụ được chứng nhận đạt chuẩn OCOP 3 sao trở lên, trong đó ít nhất 20% đạt chuẩn 4 sao và 5% đạt chuẩn 5 sao.	Đạt
		3.10. Có Trung tâm thương mại chuyên về sản phẩm OCOP và sản phẩm nông sản của tỉnh, có kết nối liên tỉnh; có hệ thống bán hàng điện tử hiện đại, quy mô liên tỉnh	Đạt
		3.11. Tỷ lệ lắp đầy ở các khu, cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đạt tối thiểu 70%	Đạt
		3.12. Có ít nhất 3 mô hình du lịch (du lịch văn hóa, du lịch trải nghiệm (sản xuất nông nghiệp, làng nghề) và du lịch nông thôn mới) hoạt động hiệu quả	Đạt
		3.13. Có mô hình du lịch nông thôn với tuyến du lịch liên huyện hoạt động hiệu quả	Đạt
		3.14. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ số hiệu quả	
4	Giáo dục và Y tế	4.1. Tỷ lệ trường THPT đạt chuẩn quốc gia tối thiểu mức độ 1: $\geq 80\%$; Trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh đạt tiêu chuẩn kiểm định tối thiểu cấp độ 1	Đạt
		4.2. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh đạt chuẩn quốc gia	Đạt
5	Văn hóa	5.1. Trung tâm Văn hóa, Thể thao tỉnh đạt chuẩn; ở tỉnh có các hoạt động văn hóa - thể thao phù	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
		hợp kết nối với các đơn vị cấp huyện có hiệu quả	
		5.2. Tỷ lệ di tích lịch sử, văn hóa cấp quốc gia, cấp tỉnh được bảo tồn, trùng tu và phát huy	100%
		5.3. Có ít nhất 01 mô hình/huyện tổ chức du lịch nông thôn gắn với phát huy giá trị di tích lịch sử, văn hóa hiệu quả (đối với huyện có di tích lịch sử, văn hóa cấp tỉnh trở lên)	Đạt
		5.4. 100% các di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia, cấp tỉnh được bảo tồn và phổ biến trong cộng đồng; và có ít nhất 01 di sản trở thành sản phẩm du lịch phổ biến trên địa bàn tỉnh	Đạt
6	Việc làm - Thu nhập - Hộ nghèo	6.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (có bằng cấp, chứng chỉ)	$\geq 50\%$
		6.2. Tỷ lệ lao động nông nghiệp	$\leq 30\%$
		6.3. Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn cao hơn bình quân chung của cả nước và bằng ít nhất 1,25 lần bình quân chung của vùng Bắc Trung Bộ	Đạt
		6.4. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều khu vực nông thôn giai đoạn 2021-2025	$\leq 2,5\%$
7	Môi trường và cảnh quan nông thôn	7.1. Có khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung quy mô cấp tỉnh hoặc liên huyện đạt tiêu chuẩn; tối thiểu 95% chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh được thu gom, phân loại và xử lý đúng quy định; đối với xử lý bằng biện pháp chôn lấp, tối đa không quá 15% tổng lượng rác được xử lý	Đạt
		7.2. Tỷ lệ các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh đảm bảo các yêu cầu về môi trường theo quy định	100%
		7.3. Tỷ lệ các làng nghề, cụm làng nghề rác thải, nước thải được xử lý đảm bảo môi trường theo quy định	100%
		7.4. Tỷ lệ người dân sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn từ quy chuẩn QCVN 02: 2009/BYT trở lên tối thiểu 75%, trong đó từ công trình cấp nước tập trung tối thiểu 50%	Đạt
		7.5. Tỷ lệ hộ gia đình có nước thải sinh hoạt được thu gom, có biện pháp xử lý phù hợp	$\geq 50\%$
		7.6. Tỷ lệ thôn đạt chuẩn Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu	$\geq 80\%$

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
		7.7. Có mô hình khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu thông minh	Đạt
8	Dịch vụ hành chính công	8.1. Có hạ tầng mạng cáp quang đến tất cả các thôn; có mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II; có cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kết nối mạng chuyên dùng phục vụ hội nghị trực tuyến liên thông 3 cấp (tỉnh, huyện, xã)	Đạt
		8.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 toàn hệ thống 3 cấp (tỉnh, huyện, xã); tỷ lệ thủ tục hành chính giải quyết qua dịch vụ công trực tuyến đạt tối thiểu 75%	Đạt
		8.3. Chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) được uy trì ở top khá trở lên (tối thiểu đạt 65 điểm).	Đạt
		8.4. Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) của tỉnh Hà Tĩnh đạt tối thiểu 85%	Đạt
		8.5. Trung tâm dịch vụ việc làm của tỉnh hoạt động hiệu quả theo quy định của Bộ Lao động, Thương binh và xã hội	Đạt
9	An ninh, trật tự	9.1. Đảm bảo an ninh, trật tự xã hội và bình yên trên địa bàn toàn tỉnh	Đạt
		9.2. Có mô hình giám sát, đảm bảo an ninh, trật tự áp dụng công nghệ tiên tiến hoạt động hiệu quả	Đạt
10	Chỉ đạo, điều phối thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới	10.1. Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình nông thôn mới tỉnh được kiện toàn tổ chức đảm bảo đưa cả hệ thống chính trị vào cuộc và hoạt động hiệu quả	Đạt
		10.2. Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh và cấp huyện được tổ chức và hoạt động chuyên trách, chuyên nghiệp, hiệu quả.	Đạt

Biểu: Soát xét, đánh giá thực trạng và xác định nội dung, công việc để đạt chuẩn tiêu chí tỉnh nông thôn mới
(các nội dung khác, sở ngành chủ động đề xuất (nếu có))

TT	Tên tiêu chí	Sở chủ trì	Sở phối hợp	Nội dung thực hiện
1	Cơ sở hạ tầng kết nối và thích ứng với biến đổi khí hậu	Sở Giao thông vận tải		- Đánh giá thực trạng và mức độ đạt chuẩn chỉ tiêu 2.1, 2.2, 2.3 - Nội dung, khối lượng cần thực hiện để đạt chuẩn - Nhiệm vụ, giải pháp
2	Cơ sở hạ tầng kết nối và thích ứng với biến đổi khí hậu	Sở Nông nghiệp và PTNT		- Đánh giá thực trạng và mức độ đạt chuẩn chỉ tiêu 2.4, 2.5 - Nội dung, khối lượng cần thực hiện để đạt chuẩn - Nhiệm vụ, giải pháp
	Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng hiện đại, hội nhập và bền vững (từ chỉ tiêu 3.1-3.10)	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Công thương Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1. Sở Nông nghiệp và PTNT: - Đánh giá thực trạng và mức độ đạt chuẩn từ chỉ tiêu 3.1 đến 3.7; 3.9; 3.10; - Xác định nội dung, khối lượng cần thực hiện để đạt chuẩn; - Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện 2. Sở Công thương:
3				- Đánh giá thực trạng và mức độ đạt chuẩn chỉ tiêu 3.8, 3.11; - Xác định nội dung, khối lượng cần thực hiện để đạt chuẩn; - Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện 3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: - Đánh giá thực trạng và mức độ đạt chuẩn chỉ tiêu 3.12; 3.13; - Xác định nội dung, khối lượng cần thực hiện để đạt chuẩn; - Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện

4	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		- Đánh giá thực trạng và mức độ đạt chuẩn chỉ tiêu 5.2, 5.3; 5.4; - Xác định nội dung, khối lượng cần thực hiện để đạt chuẩn; - Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện
5	Việc làm -Thu nhập - Hộ nghèo	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Cục Thống kê	1. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội: - Đánh giá thực trạng và mức độ đạt chuẩn các chỉ tiêu 6.1, 6.2, 6.4; - Xác định nội dung, khối lượng cần thực hiện để đạt chuẩn; - Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện 2. Cục Thống kê: - Đánh giá thực trạng và mức độ đạt chuẩn chỉ tiêu 6.3; - Xác định nội dung, khối lượng cần thực hiện để đạt chuẩn; - Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện
6	Môi trường và cảnh quan nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường		- Đánh giá thực trạng và mức độ đạt chuẩn các chỉ tiêu 7.2, 7.3; 7.5 - Xác định các nội dung, khối lượng cần thực hiện; - Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện
7	Dịch vụ hành chính công	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; Sở Nội vụ; Sở Kế hoạch và Đầu tư	1. Sở Thông tin và Truyền thông: - Đánh giá thực trạng và mức độ đạt chuẩn chỉ tiêu 8.2 - Xác định các nội dung, khối lượng cần thực hiện - Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện 2. Sở Kế hoạch và Đầu tư - Đánh giá thực trạng và mức độ đạt chuẩn chỉ tiêu 8.3 - Xác định các nội dung, khối lượng cần thực hiện - Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện

				3. Sở Nội vụ: - Đánh giá thực trạng và mức độ đạt chuẩn chỉ tiêu 8.4 - Xác định các nội dung, khối lượng cần thực hiện - Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện 4. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội: - Đánh giá thực trạng và mức độ đạt chuẩn chỉ tiêu 8.5 - Xác định các nội dung, khối lượng cần thực hiện - Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện
8	An ninh, trật tự	Công an tỉnh		- Đánh giá thực trạng và mức độ đạt chuẩn tiêu chí An ninh, trật tự - Xác định các nội dung, khối lượng cần thực hiện - Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện

BIỂU 1: TỔNG HỢP VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ TỈNH NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2020-2025
Tiêu chí...

ĐVT: Tỷ đồng

Tiêu chí, danh mục dự án	Dự kiến quy mô đầu tư	Dự kiến điểm thực hiện	Dự kiến tổng vốn đầu tư	Dự kiến phương án, huy động, cân đối nguồn vốn								Vốn khác				Ghi chú (đối với các công trình, dự án đã có chủ trương, xác định nguồn vốn)
				Vốn trực tiếp thực hiện Chương trình NTM		Lồng ghép các Chương trình, đề án, chính sách		Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Tín dụng	Tổ chức, Doanh nghiệp	Huy động đóng góp của nhân dân	Khác			
				Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Trung ương	Tỉnh									
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	Nêu rõ theo từng dự án: theo chương trình, dự án nào, đã xác định bao nhiêu vốn, từ nguồn nào (Nguồn vốn đã được phân tại QĐ... số tiền... tỷ đồng, vốn đã phê duyệt chủ trương nhưng chưa bố trí; vốn thực hiện theo Dự án, đã bố trí được bao nhiêu vốn hay đang dự kiến. - Đối với vốn lồng ghép chính sách để nghị ghi rõ chính sách, đề án nào, đã có hay chính sách dự kiến đề xuất mới	
Tổng số																
YÊU CẦU TỐI THIỂU ĐỂ ĐẠT TIÊU CHÍ																
Tiêu chí cấp tỉnh																
Dự án...																
...																
Tiêu chí cấp huyện																
Huyện A																
Nội dung, dự án...																
...																
Huyện B																
...																
Tiêu chí cấp xã																
Huyện A																
...																
Huyện B																
...																
YÊU CẦU ĐỂ DUY TRÌ TIÊU CHÍ ĐẠT BỀN VỮNG																
Tiêu chí cấp tỉnh																
Dự án....																
...																
Tiêu chí cấp huyện																

ĐVT: Tỷ đồng

[illegible]

[illegible]

Tiêu chí, nội dung		1. Nguồn đã xác định												2. Nguồn dự kiến											
		Cộng	Nguồn trực tiếp CT NTM		Lồng ghép các đề án, chính sách và BSMT từ NSTW (1)	Lồng ghép các đề án, chính sách và BSMT từ NS tỉnh (2)	Nguồn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách xã	Tin dụng doanh nghiệp	Vốn dân bỏ ra chính trang vườn hộ, PT kinh tế... (3)	Nguồn huy động đóng góp nhân dân (4)	Cộng	Nguồn trực tiếp chương trình NTM		Lồng ghép các đề án, chính sách và BSMT từ NSTW (1)	Lồng ghép các đề án, chính sách và BSMT từ NS tỉnh (2)	Nguồn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách xã	Tin dụng doanh nghiệp	Vốn dân bỏ ra chính trang vườn hộ, PT kinh tế... (3)	Nguồn huy động đóng góp nhân dân (4)				
			NSTW	NS tỉnh									NSTW	NS tỉnh											
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25		
Nội dung ...																									
...																									

Ghi chú:

- (1) Đối với nguồn vốn Nguồn lồng ghép các đề án, chính sách và BSMT từ NSTW: Đề nghị thuyết minh cụ thể nguồn vốn thực hiện theo từng đề án, chính sách của Trung ương (nếu có)
- (2) Đối với nguồn vốn Nguồn lồng ghép các đề án, chính sách và BSMT từ NS tỉnh: Đề nghị thuyết minh cụ thể nguồn vốn thực hiện theo từng đề án, chính sách của tỉnh (nếu có)
- (3) Vốn dân bỏ ra chính trang vườn hộ, Phát triển kinh tế...
- (4) Đối với nguồn huy động đóng góp nhân dân: Nguồn huy động đóng góp nhân dân bằng ngày công, hiện vật và bằng tiền để thực hiện các nội dung do nhà nước thực hiện như xây dựng đường giao thông, nhà văn hóa (tài sản hình thành do nhà nước quản lý)

[illegible]

[illegible]